

Bản án số: 04/2025/KDTM-ST

Ngày: 08/8/2025

V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh toán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cái Diệu Trang và bà Huỳnh Thị Thanh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thái, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-KDTM, ngày 08/7/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M; địa chỉ trụ sở: Số N đường T, phường P, thị xã H, thành phố Huế - nay là số N đường T, phường P, thành phố Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1972 - Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số V đường H, phường C, quận T, thành phố Huế - nay là số V đường H, phường C, thành phố Huế (theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2024); có mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần công trình B; địa chỉ: Số N đường T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An - nay là số N đường T, phường Đ, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy M - Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T; địa chỉ: số N đường T, phường Đ, tỉnh Nghệ An - nay là số số N đường T, phường Đ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2024, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 05/9/2016, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M (Bên B) và Công ty cổ phần công trình B (Bên A) ký kết Hợp đồng kinh tế số: 83A/HĐKT/2016 về việc thi công hạng mục bê tông nhựa mặt cầu và tưới nhựa dính bám công trình Cầu C tại Km 850 + 200 huyện P, Thừa Thiên Huế. Cụ thể như sau: Giá trị hợp đồng: 237.999.000 đồng. (Đơn giá đã bao gồm thuế VAT); địa điểm thực hiện: Km 850 + 200 huyện P, Thừa Thiên Huế; thời gian - tiến độ thực hiện: 05 ngày/01 cầu kể từ ngày khởi công; thanh toán: Bên A tạm ứng cho bên B số tiền: 166.000.000 đồng; thời hạn bảo hành 12 tháng, kể từ ngày hai bên ký nghiệm thu.

Quá trình thi công: Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Sau khi hoàn thành công trình thì ngày 24/11/2016 hai bên đã ký hồ sơ nghiệm thu thanh toán khối lượng: Giá trị nghiệm thu: 232.432.000 đồng; Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M đã cung cấp hóa đơn đủ số tiền 232.432.000 đồng.

Về thanh toán và đối chiếu công nợ, xác nhận nợ: Thanh toán: Bên A tạm ứng cho bên B số tiền: 166.000.000 đồng; ngày 31/12/2017, hai bên ký Biên bản đối chiếu công nợ, số tiền còn nợ là: 66.432.000 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M đã hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình là hoàn thành công trình, đã nghiệm thu hoàn thành, cung cấp hóa đơn GTGT đúng theo quy định và đã hết thời hạn bảo hành công trình. Tuy nhiên, Công ty cổ phần công trình B chưa thanh toán đủ số tiền còn nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M. Phía Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M đã nhiều lần yêu cầu Công ty cổ phần công trình B thanh toán đúng hạn nhưng vẫn không trả.

Ngày 10/7/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M đã gửi Thông báo đề nghị thanh toán tiền nợ trước ngày 20/7/2024, nêu không thanh toán thì Công ty M sẽ khởi kiện vụ án ở Tòa án. Quá thời hạn nêu trên nhưng Công ty cổ phần công trình B vẫn không thanh toán.

Do đó, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần công trình B phải thanh toán một lần cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M với số tiền 116.809.600 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 66.432.000 đồng; nợ lãi: 50.377.600 đồng (lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng; ngày tính lãi tạm tính 10/12/2016 đến 10/7/2024).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 66.432.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Xuân T (cán bộ Công ty cổ phần công trình B) trình bày:

Ngày 05/09/2016, Công ty cổ phần công trình B - Tổng công ty công trình đường sắt và Công ty TNHH một thành viên M có ký kết hợp đồng số /2016/HĐ-KT. Trong hợp đồng tại Điều 1 có nêu rõ nội dung công việc Công ty cổ phần công trình B (Bên A) giao cho Công ty TNHH một thành viên M (Bên B) đảm nhận thi công hạng mục bê tông nhựa mặt cầu và tưới nhựa dính bám... Hợp đồng gồm 18 điều, nội dung đúng với kết hợp đồng số /2016/HĐ-KT ngày 05/09/2016 mà Công ty TNHH một thành viên M nộp cho Tòa án.

Về việc thanh lý hợp đồng: Ngày tháng 11 năm 2016 Công ty cổ phần công trình B - Tổng công ty công trình đường sắt và Công ty TNHH một thành viên M đã lập văn bản thanh lý hợp đồng số /TLHĐ với giá trị thanh toán là: 232.432.000 đồng. Công ty cổ phần công trình B đã thanh toán: 166.000.000 đồng, còn nợ lại 66.432.000 đồng đúng như Biên bản thanh lý hợp đồng mà Công ty TNHH một thành viên M nộp cho Tòa án.

Về việc đối chiếu công nợ: Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty cổ phần công trình B - Tổng công ty công trình đường sắt và Công ty TNHH một thành viên M đã lập biên bản đối chiếu công nợ. Nội dung cơ bản tính đến ngày 31/12/2017 Công ty cổ phần công trình B - Tổng công ty công trình đường sắt còn nợ Công ty TNHH một thành viên M số tiền 66.432.000 đồng đúng như Biên bản đối chiếu công nợ mà Công ty TNHH một thành viên M nộp cho Tòa án.

Công ty cổ phần công trình B - Tổng công ty công trình đường sắt không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty TNHH một thành viên M đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần công trình B - Tổng công ty công trình đường sắt phải trả tổng số tiền 116.809.600 đồng. Trong đó tiền gốc: 66.432.000 đồng, nợ lãi tạm tính từ ngày 10/12/2016 đến 10/07/2024 là 50.377.600 đồng.

Công ty cổ phần công trình B - Tổng công ty công trình đường sắt chỉ chấp nhận trả cho Công ty TNHH một thành viên M số tiền còn nợ là: 66.432.000 đồng, không chấp nhận trả lãi suất

Lý do của việc không chấp nhận yêu cầu trả lãi suất: Trong hợp đồng số /2016/HĐ-KT ngày 05/09/2016 giữa Công ty cổ phần công trình B - Tổng công ty công trình đường sắt và Công ty TNHH một thành viên M không có thỏa thuận về lãi suất. Hiện tại Công ty cổ phần công trình B - Tổng công ty công trình đường sắt đang gặp khó khăn trong kinh doanh; Bản thân Công ty cổ phần công trình B - Tổng công ty công trình đường sắt chưa được chủ đầu tư thanh toán hết số tiền còn nợ cho Công ty cổ phần công trình B.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong vụ án dân sự như sau:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, còn trong thời hiệu khởi kiện, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng; quá trình xác minh, thu thập chứng cứ cũng như việc xét xử tại phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định. Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp

luật, bị đơn nhiều lần vắng mặt nên cần xét xử theo quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền lãi và việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn 50.377.600 đồng.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn căn cứ tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế) là nơi hợp đồng được thực hiện (công trình Cầu C tại Km 850 + 200 huyện P, Thừa Thiên Huế). Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế) theo khoản 1 Điều 30 và Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng kinh tế do các bên ký kết số 83A/HĐKT/2016 ngày 05/9/2016; khoản nợ gốc 66.432.000 đồng phát sinh từ biên bản thanh lý hợp đồng và biên bản đối chiếu công nợ như các bên đã thừa nhận. Do đó, tranh chấp của vụ án này được xác định là *“Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán”*.

[1.3] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu tính lãi suất 50.377.600 đồng tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về khoản tiền nợ gốc: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản nợ gốc là 66.432.000 đồng phát sinh theo Biên bản thanh lý hợp đồng và Biên bản đối chiếu công nợ. Bị đơn thừa nhận và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 66.432.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 66.432.000 đồng là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[2.2] Về khoản tiền lãi: Do nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, buộc Công ty cổ phần Công trình B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 và Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Áp dụng Điều 351, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M, buộc Công ty cổ phần công trình B phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M số tiền (theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2017) là 66.432.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty cổ phần công trình B không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M đối với phần lãi suất 50.377.600 đồng.

3. Về án phí: Buộc Công ty cổ phần công trình B phải chịu 3.321.600 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M số tiền 2.920.240 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0003673 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Huế).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú